TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BUÔN HỒ** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **31**/2019/HNGĐ-ST
Ngày 11-11-2019
"*V/v Yêu cầu không công nhận vợ chồng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
- *Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà*: Ông Cao Anh Tuấn.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
  Bà Hoàng Vạn Sinh.
  Bà Hoàng Thị Hồng.

Thư ký phiên toà: Ông Ngụy Thế Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toản – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 11/11/2019, tại phòng xử án Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 124/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2019, về việc *"Yêu cầu không công nhận vợ chồng"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét số 30/2019/QĐST- HNGĐ ngày 30/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24/10/2019, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông Lê Văn Ph, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn A, xã B, thị xã C, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

- ***Bị đơn:*** Bà Trần Thị L, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn A, xã B, thị xã C, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 18/6/2019 và các lời khai tại các buổi làm việc, nguyên đơn ông Lê Văn Ph trình bày:*

- Về hôn nhân: Tôi và bà Trần Thị L sống với nhau từ năm 1988 có tổ chức đám cưới trước sự chứng kiến của hai bên gia đình, nhưng không có đăng ký kết hôn tại xã B, thị xã C, tỉnh Đắk Lắk. Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xích mích lẫn nhau. Hiện nay chúng tôi đã

sống ly thân từ tháng 03/2017 cho đến nay. Xét thấy tình cảm với bà L không còn, nên tôi có nguyện vọng xin Tòa án không công nhận vợ chồng với bà Trần Thị L.

- Về con chung: Chúng tôi có 04 con chung là Lê Thị Ngọc M, sinh ngày 11/10/1988; Lê Thanh T, sinh ngày 19/10/1990; Lê Thị Kim C, sinh ngày 07/9/1992; Lê Minh Ch, sinh ngày 24/7/1994. Hiện nay 04 cháu đã trưởng thành, có công việc ổn định, do đó tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn bà Trần Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án để tham gia tố tụng.*

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B phát biểu ý kiến về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lê Văn Ph, bà Trần Thị L. Về con chung: Hiện nay các con chung đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] ***Về khởi kiện và thụ lý vụ án***: Ngày 18/6/2019 ông Lê Văn Ph nộp đơn khởi kiện, ngày 27/6/2019 Tòa án thụ lý việc khởi kiện của ông Ph là đúng trình tự thủ tục theo Điều 191, Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] ***Về thẩm quyền giải quyết***: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 7 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] ***Về trình tự thủ tục tố tụng*****:** Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn bà Trần Thị L không chấp hành theo giấy triệu tập, không lên Tòa án để trình bày ý kiến của mình cũng như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án giải quyết vụ án theo những căn cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Ngày 24/10/2019 Tòa án đưa vụ án ra xét xử, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt nên phải hoãn phiên tòa và ấn định xét xử lại ngày 11/11/2019 nhưng bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L là phù hợp với điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] ***Về quan hệ hôn nhân***: Ông Lê Văn Ph và bà Trần Thị L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988, có đủ điều kiện kết hôn nhưng vẫn không đăng ký kết hôn và đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã B, thị xã C thì xác định: Qua kiểm tra sổ đăng ký kết hôn được lưu trữ tại địa phương, không thể hiện việc kết hôn giữa ông Lê Văn Ph, sinh năm 1965 và bà Trần Thị L, sinh năm 1970. Tòa án đã tiến hành động viên ông Ph quay lại chung sống với bà L và đăng ký kết hôn đúng theo quy định nhưng ông Ph xác định vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xích mích lẫn nhau, giữa ông Ph với bà L đã sống ly thân từ tháng 03/2017 cho đến nay, hiện nay tình cảm giữa ông Ph với bà L không còn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Ph, bà L.

[5] ***Về nuôi con chung và cấp dưỡng***:

[5.1] Về nuôi con chung: Ông Ph, bà L có 04 con chung là cháu Lê Thị Ngọc M, sinh ngày 11/10/1988; cháu Lê Thanh T, sinh ngày 19/10/1990; cháu Lê Thị Kim C, sinh ngày 07/9/1992; cháu Lê Minh Ch, sinh ngày 24/7/1994. Hiện nay 04 cháu đã trưởng thành, có công việc ổn định, do đó ông Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần con chung và cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5.2]Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Ph không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] ***Về tài sản chung và nợ chung***: Ông Ph không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[7]*Về án phí*: Ông Ph phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, 147, 191, 192, 195; điểm b khoản 2 điều 227; khoản 7 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lê Văn Ph và bà Trần Thị L.

2. Về nuôi con chung: Các con chung đã trên 18 tuổi, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Ông Ph không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Ông Lê Văn Ph phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số

AA/2019/0000123 ngày 27/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đăk Lăk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- UBND xã Bình Thuận;
- Chi cục THA dân sự Tx. Buôn Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Anh Tuấn